

Số: 17 /QĐ-UBND

Tân kỳ, ngày 07 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Tân Kỳ, tại kỳ họp thứ III khóa XIX: số 19/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 về phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Kỳ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước huyện Tân Kỳ năm 2022.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng ban, ngành cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, Thị trấn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ra*

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Như điều 3;
- Lưu VT.TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Rhan Văn Giáp
Rhan Văn Giáp



**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **17**/QĐ-UBND ngày **01** tháng 01 năm 2022
của UBND huyện Tân kỳ)

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Dự báo việc thực hiện kế hoạch sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là đại dịch Covid-19 có thể kéo dài, có khả năng sẽ phải chấp nhận sống chung lâu dài với dịch bệnh; biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán tiếp tục diễn biến phức tạp; đòi hỏi các cấp, các ngành phải nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, tiếp tục đổi mới tư duy, hành động quyết liệt, hiệu quả để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, tạo tiền đề cho thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2025.

UBND huyện yêu cầu các ngành, các cấp tập trung cao các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các chương trình đề án đã được phê duyệt; triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022 kịp thời ngay từ những ngày đầu năm

1.1. Triển khai xây dựng và thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chương trình đề án, kế hoạch đã được phê duyệt, nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

1.2. Các ngành, các cấp bám sát các chủ trương của cấp trên, các chỉ tiêu kế hoạch của HĐND huyện để chủ động trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện ngay từ những ngày đầu năm; định kỳ hàng quý, 6 tháng báo cáo UBND huyện (qua phòng Tài chính- Kế hoạch), Chủ tịch UBND huyện kết quả thực hiện.

2. Tập trung cao trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19

2.1. Các ngành, các cấp tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống dịch Covid-19 của Trung ương; thực hiện hiệu quả kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 phù hợp với tình hình mới.

2.2. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và kịp thời theo số lượng vắc-xin được phân bổ, tổ chức các điểm tiêm chủng đảm bảo an toàn, khoa học, đảm bảo an ninh trật tự. Phát huy vai trò của mạng lưới y tế cơ sở, các đội phản ứng nhanh, tổ Covid-19 cộng đồng, tổ liên gia tự quản trong phòng, chống dịch bệnh; lấy người dân và doanh

ng nghiệp làm chủ thể trung tâm, lấy cơ sở làm nền tảng trong phòng, chống dịch.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực phát triển

3.1. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Thực hiện tốt Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ nhằm mở rộng hợp tác, liên kết sản xuất chặt chẽ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa kinh tế hộ gia đình, HTX với doanh nghiệp, với thị trường để đưa nông nghiệp sản xuất lớn, giá trị gia tăng cao, bảo đảm an toàn thực phẩm. Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, người dân mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn, các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định 729/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất tập trung, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với tiêu thụ. Phát triển kinh tế rừng, các vùng rừng nguyên liệu tập trung, cây gỗ lớn; làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ. Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả. Xây dựng các sản phẩm đạt tiêu chuẩn để công nhận sản phẩm OCOP.

3.2. Phát huy hết công suất hiện tại của các nhà máy gạch ngói Tuy Nén, gạch cotto, nhà máy may Minh Anh. Phối hợp với Nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục để khởi công xây dựng Nhà máy chế biến nguyên liệu Trung Đô Tân Kỳ tại xã Tân Hợp; Nhà máy xử lý chất thải rắn và lỏng Tân kỳ tại xã Tân Long. Chỉ đạo HTX Làng nghề tiếp tục đầu tư nhà máy ngói Tuy Nén tại Cụm công nghiệp Nghĩa hoàn. Phối hợp với Chủ đầu tư để mở rộng Cụm Công nghiệp, GPMB và triển khai xây dựng Hạ tầng Cụm công nghiệp và Nhà máy điện sinh khối APG Tân Kỳ.

3.3. Triển khai mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, phát triển các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” theo Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 09/9/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phối hợp tổ chức hội chợ Thương mại đưa hàng về nông thôn. Tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, đặc biệt là các loại hàng hóa như xăng dầu, rượu, thuốc lá, thuốc chữa bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, GPMB, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, hạ tầng kết nối, tăng cường quản lý thu chi ngân sách.

4.1. Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tổ chức lập hồ sơ đền bù dự án đường giao thông Quốc lộ 7C từ Hòa Sơn (Đô Lương) đi đường mòn Hồ Chí Minh (Tân kỳ), các dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 để khởi công xây dựng.

4.2. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Đường 15B từ Thị trấn Tân kỳ đi xã Nghĩa Hợp, dự án đường từ Tổng đội TNXP 4 đi xã Tân hợp (giai đoạn 3). Tổ chức đấu thầu để khởi công xây dựng các dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022, như: dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối từ ĐT.534B

tại xã Tân An, huyện Tân Kỳ với ĐT.534D tại xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ đi đường Hồ Chí Minh và đi Cây Chanh, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Quyết liệt thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh giải ngân, đảm bảo giải ngân 100% chỉ tiêu kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công ngay từ đầu năm. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định; tăng cường quản lý dự án, quản lý chất lượng và quyết toán dự án hoàn thành; quản lý, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư.

4.3. Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án tăng thu ngân sách. Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách ngay từ những tháng đầu năm 2022, phấn đấu đạt mức thu cao nhất so với dự toán HĐND huyện giao. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Căn cứ tình hình thực tế, xem xét việc tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí để giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn do đại dịch.

5. Quản lý quy hoạch, đô thị; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư, hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển.

5.1. Tiếp tục lập quy hoạch vùng huyện để trình tỉnh phê duyệt; Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành Đề án cấm biển đặt tên đường, số nhà trên địa bàn Thị trấn Tân Kỳ. Tổ chức giải tỏa hành lang ATGT, tái lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường, chợ cóc, chợ tạm,... theo Nghị quyết của HĐND tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục tổ chức chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư và GPMB dự án Khu đô thị phía Tây Thị trấn Tân Kỳ.

5.2. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Thực hiện tốt chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) năm 2022. Xử lý nhanh các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, tạo cơ hội, hỗ trợ và điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Chủ động theo dõi và có giải pháp cụ thể để tháo gỡ khó khăn, đôn đốc triển khai các dự án đầu tư.

5.3. Phối hợp với Nhà đầu tư để xử lý các vướng mắc, đặc biệt là trong công tác đền bù GPMB, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất đối với các dự án đã có chủ trương đầu tư, như: Các dự án Trang trại chăn nuôi lợn tại xã Giai Xuân và Tân Hợp; Nhà máy chế biến nguyên liệu Trung Đô Tân Kỳ tại xã Tân Hợp;... Tập trung thu hút mời gọi đầu tư dự án Nhà máy chế biến nông sản Tân Kỳ.

5.4. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, đặc biệt là các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 về một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động dịch Covid-19.

6. Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên môi trường:

Công bố quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2021-2025, triển khai xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2023; Xây dựng danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; Quy hoạch phân lô để đấu giá thu tiền sử dụng đất. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và cá nhân kịp thời, theo đúng quy định.

Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là cát sỏi và đất sét. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, kiên quyết xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã, thị trấn ...

7. Chăm lo thực hiện tốt các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, đảm bảo tốt an sinh xã hội

7.1. Nâng cao chất lượng phổ cập Tiểu học, phổ cập THCS và phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Tiếp tục tăng cường quản lý các nguồn tài trợ, viên trợ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học. Chỉ đạo phấn đấu có thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia và 12 trường chuẩn quốc gia sau 5 năm, tiếp tục chỉ đạo các trường chưa đạt chuẩn năm 2021.

7.2. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch covid-19; Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, hành nghề y dược; phấn đấu giữ vững và nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 10,5%. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình Dân số KHH gia đình, đẩy mạnh công tác truyền thông dân số nhằm thực hiện tốt mục tiêu giảm sinh, hạn chế tăng sinh con thứ 3. Tuyên truyền, vận động, nâng tỷ lệ khám sàng lọc trước và sau sinh.

7.3. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền các hoạt động chính trị phục vụ các ngày lễ lớn trong năm 2022. Tiếp tục thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; triển khai thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam.

7.4. Tiếp tục tổ chức tốt công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tổ chức thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội.

8. Tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính

8.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo cơ chế "Một cửa" tại cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, xã. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết

18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có trách nhiệm và trình độ.

8.2. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị 26/TTg và Chỉ thị 17/CT-TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ. Tăng cường tính công khai, minh bạch của các cơ quan, đơn vị; nâng cao tinh thần và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

8.3. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực KT-XH, AN-QP, đời sống của nhân dân góp phần thực hiện tốt công tác hiện đại hóa nền hành chính và thực hiện tốt lộ trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện theo chỉ đạo của cấp trên.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

9.1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển giao quân đạt 100% chỉ tiêu được giao đảm bảo chất lượng tốt. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng đúng kế hoạch, huấn luyện diễn tập đạt kết quả tốt, xây dựng cụm tuyển an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, các đề án đã được phê duyệt, từng bước thực hiện đề án xây dựng khu vực phòng thủ huyện.

9.2. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho các hoạt động kinh tế trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư. Đẩy mạnh phòng chống tội phạm; phòng chống cháy nổ và tệ nạn xã hội. Triển khai có hiệu quả công tác phòng chống tội phạm mua bán người. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; xử lý nghiêm tình trạng vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, nhất là tình trạng xe quá khổ, quá tải; phấn đấu giảm tai nạn trên cả 3 tiêu chí từ 5-10%; giải tỏa hành lang an toàn giao thông, nhất là tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các trung tâm thị trấn, trung tâm xã.

10. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể để làm tốt công tác dân vận, thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội. Kịp thời tuyên truyền các giải pháp trong chỉ đạo, điều hành; tuyên truyền về những sự kiện quan trọng của đất nước và của địa phương. Tăng cường tổ chức đối thoại và tiếp nhận các ý kiến phản biện xã hội để tạo sự đồng thuận cao và phát huy sức mạnh của toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

11. Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND huyện với các cơ quan của Đảng, HĐND, các đoàn thể, các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị

trấn, quyết tâm thực hiện thành công nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp đề ra

11.1. **Đẩy mạnh phối hợp và tranh thủ sự giúp đỡ của các sở, ngành; tăng cường công tác phối hợp giữa UBND huyện với các cơ quan của Đảng, HĐND huyện; sự phối hợp giữa các phòng ban, ngành, đơn vị cấp huyện, cơ quan Đảng, HĐND, UBND các cấp trong việc kiểm tra, theo dõi, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; nêu cao ý thức cộng đồng trách nhiệm, đồng thời phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc triển khai thực hiện.**

11.2. **Tăng cường phối hợp giữa UBND với ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các đoàn thể chỉ đạo tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, phát huy quyền làm chủ các tổ chức xã hội, hội và của nhân dân trong mọi lĩnh vực, tạo sự đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.**

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng, ban ngành, các đơn vị cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đơn vị liên quan

- Căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được UBND huyện giao để xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, trong đó phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, phân công người chịu trách nhiệm về từng nội dung công việc; đưa vào chương trình công tác của các phòng ban, ngành, địa phương để tập trung chỉ đạo thực hiện.

- Chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch đã đề ra; tổ chức giao ban hàng tháng kiểm điểm tình hình thực hiện, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh; định kỳ hàng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện.

- Hàng tháng, tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo tiến độ định kỳ trước ngày 02 hàng tháng (qua hộp thư điện tử) về phòng Tài chính-Kế hoạch để tổng hợp báo cáo UBND huyện tại phiên họp thường kỳ hàng tháng; hàng quý, cả năm tổ chức họp giao ban các phòng ban, ngành và UBND các xã, thị trấn.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Chi Cục Thống kê, Văn phòng HĐND-UBND và các phòng ngành có liên quan căn cứ nhiệm vụ, giải pháp UBND huyện giao cho các phòng ban, ngành và UBND các xã, thị trấn, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện; tổng hợp báo cáo UBND huyện để báo cáo các cấp có thẩm quyền và chuẩn bị cho kế hoạch năm 2023./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ

Phụ lục 1. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2022

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/ trình UBND huyện	Hình thức văn bản trình (nếu có)	Ghi chú
I	Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các chương trình đề án đã được phê duyệt; triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022 kịp thời ngay từ những ngày đầu năm				
1	Thành lập Tổ công tác để chỉ đạo, thúc đẩy thực hiện kế hoạch 2022 theo kịch bản của từng ngành, lĩnh vực	Phòng Tài chính-Kế hoạch	Tháng 01/2022		
2	Trình UBND huyện về các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022 gắn với chỉ tiêu điều hành kinh tế - xã hội năm 2022 theo kịch bản hàng quý	Phòng Tài chính-Kế hoạch	Tháng 01/2022		
3	Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các chương trình đề án đã được phê duyệt	Các phòng ban ngành	Năm 2022		
4	Hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022	Các phòng ban ngành	Năm 2022		
II	Tập trung cao trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19				
1	Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống dịch Covid-19	Các cấp, các ngành	Năm 2022		
2	Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và kịp thời công tác tiêm vắc-xin theo số lượng vắc-xin được phân bổ	Phòng Y tế, Trung tâm y tế huyện	Năm 2022		
III	Thực hiện đồng bộ các giải pháp, thúc đẩy phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới				
1	Phương án phòng chống thiên tai năm 2022	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Tháng 2/2022	Phương án	
2	Kế hoạch sản xuất vụ hè thu - mùa 2022.	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Tháng 3/2022	Kế hoạch	
3	Phương án Phòng cháy chữa rừng năm 2022.	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Tháng 3/2022	Phương án	
4	Kế hoạch sản xuất vụ Thu đông năm 2022.	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Tháng 8/2022	Kế hoạch	
5	Kế hoạch sản xuất vụ Xuân 2023	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Tháng 11/2022	Kế hoạch	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/ trình UBND huyện	Hình thức văn bản trình (nếu có)	Ghi chú
6	Hướng dẫn xây dựng các sản phẩm đạt tiêu chuẩn để công nhận sản phẩm OCOP	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Năm 2022		
7	Chỉ đạo tiêm phòng gia súc, gia cầm cho các tổng đàn	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Năm 2022		
8	Tổ chức ra quân trồng cây đầu xuân và trồng cây vụ xuân, vụ thu	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Năm 2022		
9	Xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Quý 1/2022	Kế hoạch	
10	Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các tiêu chí nông thôn mới chưa đạt	UBND xã Tân Hương, các phòng phụ trách các tiêu chí	Năm 2022		
11	Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao chưa đạt	UBND xã Kỳ Tân, các phòng phụ trách các tiêu chí	Năm 2022		
12	Chỉ đạo các xã xây dựng vườn nông thôn mới	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Năm 2022		
IV	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, GPMB, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, hạ tầng kết nối, tăng cường quản lý thu chi ngân sách				
1	Chuẩn bị đầu tư và tổ chức đấu thầu để khởi công các dự án đã được bố trí vốn năm 2022	Phòng Tài chính-Kế hoạch	Quý 1 và quý 2/2022		
2	Kiểm tra tiến độ và chất lượng các công trình thi công	Phòng Kinh tế&Hạ tầng	Năm 2022		
3	Tổ chức GPMB các dự án: đường giao thông Quốc lộ 7C từ Hòa Sơn (Đô lương) đi đường mòn Hồ Chí Minh (Tân kỳ); dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối từ ĐT.534B tại xã Tân An, huyện Tân Kỳ với ĐT.534D tại xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ đi đường Hồ Chí Minh và đi Cây Chanh, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Quý 1 và quý 2/2022		
4	Ban hành Chỉ thị về việc tăng cường công tác thu Ngân sách nhà nước năm 2022	Chi Cục Thuế Sông Lam khu vực 1	Tháng 01/2022		
5	Đôn đốc công tác thu ngân sách nhà nước, thu nợ đọng thuế và giải quyết các khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp, người nộp thuế	Chi Cục Thuế Sông Lam khu vực 1	Năm 2022		

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/ trình UBND huyện	Hình thức văn bản trình (nếu có)	Ghi chú
6	Ban hành Kế hoạch tổ chức đấu giá thu tiền sử dụng đất năm 2022	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Tháng 01/2022		
V	Quản lý quy hoạch, đô thị; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư, hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển				
1	Tiếp tục lập quy hoạch vùng huyện giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	Quý 1 và quý 2/2022		
2	Kế hoạch Giải tỏa hành lang ATGT và chống tái lấn chiếm HL ATGT	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	Tháng 3/2022	Kế hoạch	
3	Phối hợp với Nhà đầu tư để tuyên truyền, vận động người dân GPMB các dự án đã có chủ trương đầu tư	Phòng Tài nguyên và Môi trường; các xã có dự án	Năm 2022		
4	Phối hợp với Nhà đầu tư để xử lý các vướng mắc trong công tác đền bù GPMB, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất đối với các dự án	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Năm 2022		
5	Công bố quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến 2030	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Năm 2022		
6	Cung cấp thông tin, danh mục các dự án thu hút đầu tư. Tổng hợp đề xuất cho ý kiến về chủ trương đầu tư các dự án	Phòng Tài chính-Kế hoạch	Năm 2022		
VI	Chăm lo thực hiện tốt các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, đảm bảo tốt an sinh xã hội				
1	Kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia và trường tái chuẩn năm 2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Tháng 02/2022	Kế hoạch	
2	Kế hoạch giải quyết việc làm và đào tạo nghề năm 2022	Phòng Lao động TB&XH	Tháng 02/2022	Kế hoạch	
3	Kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết giảm nghèo 2022-2025 và kế hoạch giảm nghèo 2022	Phòng Lao động TB&XH	Tháng 03/2022	Kế hoạch	
4	Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo năm 2022	Phòng Lao động TB&XH	Tháng 09/2022 và quý 4/2022	Kế hoạch, Báo cáo	
5	Kế hoạch phát triển du lịch năm 2022	Phòng Văn hóa Thông tin	Tháng 02/2022	Kế hoạch	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện/ trình UBND huyện	Hình thức văn bản trình (nếu có)	Ghi chú
6	Đề án xây dựng thiết chế văn hóa, thông tin và thể thao đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2022-2025	Phòng Văn hóa Thông tin	Dự kiến tháng 02/2022 (sau khi đề án tỉnh thông qua)	Đề án	
7	Kế hoạch tổ chức kỷ niệm 60 năm thành lập huyện (19/4/1963-19/4/2022)	Phòng Văn hóa Thông tin	Tháng 3/2022	Kế hoạch	
VII	Tăng cường công tác quản lý nhà nước và đẩy mạnh cải cách hành chính				
1	Tiếp tục thực hiện Thông báo số 129/TB-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện về phân công các đồng chí lãnh đạo UBND huyện phụ trách các nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2021-2025	Các phòng ban ngành	Năm 2022	Báo cáo	
2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước – phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022	Phòng Văn hóa Thông tin	Tháng 02/2022	Kế hoạch	
3	Chương trình CCHC giai đoạn 2022-2030 và kế hoạch CCHC 2022-2025	Phòng Nội vụ	Tháng 01/2022	Kế hoạch	
4	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022	Phòng Nội vụ	Tháng 01/2022	Kế hoạch	
5	Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch Thanh tra năm 2022	Thanh tra huyện	Năm 2022		
6	Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	Các ngành, các cấp	Năm 2022		
VIII	Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội				
1	Ra quân tấn công trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự, đặc biệt trước, trong và sau tết nguyên đán	Công an huyện	Năm 2022		
2	Tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đặc biệt trước và trong tết nguyên đán	Công an huyện	Năm 2022		
3	Đề án xây dựng Trụ sở công an xã	Công an huyện	Quý 1/2022	Đề án	
4	Tổ chức giao nhận quân năm 2022 đảm bảo chất lượng và số lượng	BCH Quân sự	Quý 1/2022		
5	Ra quân huấn luyện năm 2022 đảm bảo an toàn và chất lượng	BCH Quân sự	Năm 2022		
6	Tổ chức tốt công tác diễn tập chiến đấu khu vực phòng thủ và phòng chống bạo lực cấp xã năm 2022	BCH Quân sự	Năm 2022		

Phụ lục 02. DỰ KIẾN MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC THEO TỪNG QUÝ NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Năm 2022				Mục tiêu cả năm của ngành phân đầu	Mục tiêu cả năm 2022 so với ước TH 2021	Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó:					
					Mục tiêu Quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng			
I	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Triệu đồng	114 798	121 207	30,302	60,604	90,905	121,207		Phòng Tài chính-Kế hoạch
	Trong đó:									
1	Thu không tính tiền đất	Triệu đồng	74 798	71,207	17,802	35,604	53,405	71,207	95.2	Chi Cục Thuế
2	Thu tiền đất	Triệu đồng	40000	50,000	12,500	25,000	37,500	50,000	125.0	
II	Các chỉ tiêu chủ yếu sản xuất nông lâm thủy sản									Phòng Nông nghiệp và PTNT
1	Trồng trọt									
	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	78758	77700	0	55008	77840	77840	99	
a)	Lúa cả năm:									
-	Diện tích:	Ha	9558	9,000	4,680	4,680	9,000	9,000	94	
-	Năng suất:	Tạ/ha	57.91	58.0	0	68.5	58.2	58.2	100	
-	Sản lượng:	Tấn	55353	52,200	0	32,058	52,340	52,340	95	
b)	Ngô:									
-	Diện tích:	Ha	4634.9	5,000	2,300	4,500	5,000	5,000	108	
-	Năng suất:	Tạ/ha	50.50	51.0	0	51	51	51	101	
-	Sản lượng:	Tấn	23405	25,500	0	22,950	25,500	25,500	109	
c)	Lạc:									
-	Diện tích:	Ha	578.35	600	500	500	600	600	104	
-	Năng suất:	Tạ/ha	24.69	25	0	25	25	25	101	
-	Sản lượng:	Tấn	1428	1500	0	1,250	1500	1500	105	
d)	Mía:									
-	Diện tích	Ha	3,273	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	122	
	<i>Trong đó: Trồng mới</i>	<i>Ha</i>	<i>971</i>	<i>1,500</i>	<i>1,500</i>	<i>1,500</i>	<i>1,500</i>	<i>1,500</i>	<i>154</i>	
-	Năng suất b/quân	Tạ/ha	659.62	660	0	0	0	660	100	
-	Sản lượng	Tấn	215,920	264,000	0	0	0	264,000	122	
d	Sắn									
-	Diện tích	ha	3533.88	3000	3000	3000	3000	3000	85	
-	Năng suất	Tạ/ha	229.44	230	0	0	0	230	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Năm 2022				Mục tiêu cả năm 2022 so với ước TH 2021	Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện	
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó:					Mục tiêu cả năm của ngành phân đầu
					Mục tiêu Quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng			
	- Sản lượng	Tấn	81080	69,000	0	0	0	69,000	85	
đ)	Rau các loại									
	-Diện tích	Ha	1831.76	1,800	850	1156	1520	1,800	98	
	- Năng suất	Tạ/ha	96.29	97	98	97	97	97	101	
	- Sản lượng	Tấn	17638.8	17,460	8330	11213.2	14744	17,460	99	
e)	Cây lâu năm:									
	Cây cao su	Ha	1320.66	1,321	1,321	1,321	1,321	1,321	100	
	Trồng: cao su kinh doanh	Ha	1132	1,132	1,132	1,132	1,132	1,132	100	
	- Năng suất	Tạ/ha	28.09	25.0	10	16	22	28.1	100	
	- Sản lượng	Tấn	3180	2,830	1,132	1,811	2,490	3,181	100	
g)	Cây ăn quả									
	Diện tích cây có múi	ha	423	425	425	425	425	425	100	
	Trong đó: Cây cam	Ha	170	172	172	172	172	172	101	
	Tr.đó: Trồng mới	Ha	4	0					0	
	Cam kinh doanh	Ha	140	150	150	150	150	150	107	
	- Năng suất	Tạ/ha	114	116	0	0	116	116	102	
	- Sản lượng	Tấn	1596	1,740	0	0	1,740	1,740	109	
2	Chăn nuôi									
	Tổng đàn trâu, bò	Con	51,027	51,290	51,092	51,157	51,222	51,290	101	
	Tổng đàn trâu	Con	26,183	26,200	26,187	26,191	26,195	26,200	100	
	Tổng đàn bò	Con	24,844	25,090	24,905	24,966	25,027	25,090	101	
	Tổng đàn lợn	Con	47,318	47,800	47,438	47,558	47,678	47,800	101	
	Tổng đàn Dê	Con	33,030	33,700	33,197	33,364	33,531	33,700	102	
	Tổng đàn gia cầm	1000 con	1,752	1,795	1,762	1,772	1,782	1,795	102	
	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	15,424	16,658	15,732	16,040	16,500	17,500	113	
3	Lâm nghiệp									
	Bảo vệ rừng	Ha	2,124	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	99	
	Khoanh nuôi rừng	Ha	820	820	820	820	820	820	100	
	Chăm sóc rừng	Ha	4,300	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	105	
	Trồng mới rừng tập trung	Ha	1,690	1,500	500	700	900	1500	89	
	Trồng cây phân tán	cây	30,000	30,000	30000	30000	30000	30000	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Năm 2022					Mục tiêu cả năm 2022 so với ước TH 2021	Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó:			Mục tiêu cả năm của ngành phấn đấu		
					Mục tiêu Quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng			
	Khai thác gỗ	M3	102,920	110,000	30,000	50,000	80,000	110,000	107	
	Tỷ lệ che phủ của rừng	%	40	40	40	40	40	40	100	
4	Thủy sản									
	Tổng sản lượng	Tấn	2,623	2,700	580	1090	1560	2700	102.9	
	Trong đó: Sản lượng nuôi trồng	Tấn	2,373	2,400	500	1000	1420	2400	101.1	
	Diện tích nuôi trồng	Ha	1,565	1,567	1,487	1,407	1,567	1,567	100.1	
5	Phát triển nông thôn									
5.1	Xây dựng nông thôn mới									
	Số xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	xã		01				01		
	Số xã đạt nông thôn mới nâng cao	xã		01				01		
	Số tiêu chí bình quân đạt được/xã	tiêu chí	16.19	16.5				16.5	101.9	
5.2	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	96	96.3				96.3	0.3	
II	Các chỉ tiêu chủ yếu sản xuất công nghiệp									Phòng Kinh tế - Hạ tầng
	- Đường	Tấn	42000	42000	20,000	30,000		42,000	100	
	- Đá xây dựng	1000 m ³	420	450	100	250	300.0	450	107.1	
	- Đá trắng	1000Tấn	160	200	50	100	150.0	200	125.0	
	- Cát	1000 m ³	280	300	70	200	230.0	300	107.1	
	- Sỏi	1000 m ³	70	75	20	50	55.0	75	107.1	
	- Gạch xi măng	1000V	10500	12000	4,000	8,000	10,000	12,000	114.3	
	- Gạch Tuy Nén	1000V	212500	220000	80,000	120,000	160,000	220,000	103.5	
	- Nước máy sản xuất	1000 m ³	700	720	180	360	540.0	720	102.9	
	- Điện thương phẩm	1000Kw	75000	80000	20,000	40,000	60,000	80,000	106.7	
	- Máy mặc	1000 SP	86	9500						
III	Các chỉ tiêu Dịch vụ									
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tr đồng	8 492	9248	2,300	4,500	6,600	9,248	108.9	Phòng Kinh tế - Hạ tầng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Năm 2022				Mục tiêu cả năm 2022 so với ước TH 2021	Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện	
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó:					Mục tiêu cả năm của ngành phấn đấu
					Mục tiêu Quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng			
2	Vận tải								Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
	Khối lượng hàng hoá luân chuyển	triệu T.km	34	36.4	8	14	20	36.4	107.1	
	Khối lượng hành khách luân chuyển	triệu người/Km	165	179	40	80	100	179	108.5	
	Doanh thu vận tải	tỷ đồng	410	430	100	190	270	430	104.9	
3	Du lịch									Phòng Văn hóa thông tin
-	Tổng lượt khách du lịch	người		4400	800	2000	3200	4400		
-	Số lượt khách du lịch nội địa	người		4400	800	2000	3200	4200		
-	Số lượt khách du lịch quốc tế	người		0	50	100	150	200		
-	Số lượt khách du lịch lưu trú (kể cả khách quốc tế)	người		2100	300	1000	1500	2100		
3	Thông tin - truyền thông									Phòng Văn hóa thông tin
-	Số Trạm BTS	Trạm	168	190	168	169	172	190	113.1	
-	Số xã có sóng TTDD 3G	%	100	100	100	100	100	100	100.0	
-	Số xã có sóng TTDD 4G	%	100	100	100	100	100	100	100.0	
	+ Số thuê bao internet cố định	Thuê bao	2500	2600	2500	2550	2555	2600	104.0	
-	Số thuê bao điện thoại/100 dân	Thuê bao	60	63	60	61	62	63	105.0	
-	Số thuê bao internet băng thông rộng/100 dân	Thuê bao	13	14	13	13	14	14	107.7	
-	Số thuê bao truyền hình trả tiền (internet; cáp)	Thuê bao	4650	4823	4670	4710	4814	4823	103.7	
IV	Một số chỉ tiêu văn hóa xã hội									
1	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	0.98	dưới 1%	0.25	0.49	0.76	0.98	0	Phòng Y tế
2	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	14	14	14	14	14.5	14.5	103.6	Phòng Y tế
3	Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	8	8	8.2	8.3	8.5	8.5	106.3	Phòng Y tế
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao trên tuổi	%	11	10.5	10.4	10.3	10.2	10	-1	Phòng Y tế
5	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95.0	95.2	88.0	90.0	95.0	95.2		Bảo hiểm xã hội

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Năm 2022					Mục tiêu cả năm 2022 so với ước TH 2021	Phân công chủ trì theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện
				Kế hoạch đã đề ra	Trong đó:			Mục tiêu cả năm của ngành phần đầu		
					Mục tiêu Quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng			
6	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	27.0	28.0	27.0	27,5	27,5	28		Bảo hiểm xã hội
7	Trường học đạt chuẩn quốc gia	trường	1.00	1.00				2.00	200	Phòng Giáo dục và Đào tạo
8	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm	%	0.00	1.5-2	0.00	0.00	0.00	1,7-2,2		Phòng Lao động TB&XH
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	58	59	58.2	58.5	58.8	59	1	Phòng Lao động TB&XH
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	33	35	33.5	34	34.5	35	2	Phòng Lao động TB&XH
10	Tạo việc làm mới	lao động	3,020	3,000	800.0	1,800	2,600	3,100	103	Phòng Lao động TB&XH
11	Gia đình văn hoá	%	83.3	83.4				83.4	0.1	Phòng Văn hóa thông tin
12	Tỷ lệ Làng, bản, khối xóm văn hóa	%	83.4	83.2				83.4	0	Phòng Văn hóa thông tin
13	Tỷ lệ phường, xã, thị trấn có thiết chế VH-TT đạt tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	%	81.80	81.80				86.40	4.6	Phòng Văn hóa thông tin
V	Một số chỉ tiêu môi trường									
1	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%	94.1	94.3	94.1	94.1	94.2	94.3	0.2	Phòng Tài nguyên và Môi trường
2	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	96	96.3	96.1	96.2	96.3	96.3	0.3	Phòng Nông nghiệp và PTNT
3	Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị được thu gom, xử lý	%	92.6	93	92.6	92.6	92.8	93	0.4	Phòng Tài nguyên và Môi trường
4	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	91	92	91	91	92	92	1	Phòng Tài nguyên và Môi trường
5	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	85	86.5	85	85.5	86	86.5	1.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường

PHỤ LỤC 03
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2022 HĐND huyện giao	Mục tiêu phần đầu	Ghi chú
I	Chỉ tiêu kinh tế			
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất (%), trong đó:	9-10	9-10	
-	GT SX nông lâm ngư tăng (%)	4-5	4-5	
-	GT SX công nghiệp - xây dựng tăng (%)	13-14	13-14	
-	GT SX các ngành dịch vụ tăng (%)	7-8	7-8	
2	Cơ cấu kinh tế (%)			
-	Nông, lâm, ngư nghiệp khoảng (%)	36-37	36-37	
-	Công nghiệp - Xây dựng khoảng (%)	30-31	30-31	
-	Dịch vụ khoảng (%)	32-33	32-33	
3	Thu ngân sách trên địa bàn (triệu đồng)	121 207	121 207	
4	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)	44-45	44-45	
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (tỷ đồng)	3.100-3.200	3.150-3.250	
6	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	5,4	5,4	
II	Chỉ tiêu xã hội			
1	Xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm (xã)	1	1	
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tăng thêm (xã)	1	1	
3	Tốc độ tăng dân số tự nhiên (%)	< 1,0	0,98	
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (%)	1,5-2,0	1,7-2,2	
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (%)	10,5	10,5	
6	Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	1	2	
7	Tạo việc làm mới khoảng (người)	3000	3 100	
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo (%)	59	59	
9	Số bác sỹ/vận dân (bác sỹ)	8	8	
10	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ (không tính Bác sỹ tăng cường) (%)	90,9	90,9	
11	Tỷ lệ gia đình văn hóa (%)	83,4	83,4	
12	Tỷ lệ làng văn hóa (%)	83,2	83,4	
13	Xã, thị trấn có thiết chế VH TT-TT đạt chuẩn quốc gia tăng thêm (xã)	1	1	
14	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	95,2	95,2	
III	Chỉ tiêu môi trường			
1	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	40	40	
2	Tỷ lệ dân nông thôn dùng nước hợp vệ sinh (%)	96,3	96,3	
3	Tỷ lệ dân đô thị dùng nước sạch (%)	93,4	93,4	
4	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý ở đô thị (%)	93	93	
5	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (%)	86,5	86,5	